

Số: 84 /2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 07 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định 94/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công theo quy định tại các Điều 60 và Điều 61 Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14; Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 94/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 về nghiệp vụ quản lý nợ công.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổng hợp và lập báo cáo về nợ của chính quyền địa phương theo mẫu biểu quy định tại Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan cho vay lại, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ thực hiện báo cáo về tình hình quản lý, thực hiện cho vay lại, thu hồi, hoàn trả vốn cho vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi của Chính phủ và mẫu biểu quy định tại Thông tư 80/2018/TT-BTC ngày 28/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

4. Chủ dự án, ngân hàng chính sách được Chính phủ bảo lãnh vay vốn hoặc phát hành trái phiếu thực hiện báo cáo theo quy định tại Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26/6/2018 về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ và mẫu biểu tại phụ lục đính kèm Thông tư số 58/2018/TT-BTC ngày 10/7/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn biểu, mẫu cung cấp thông tin, báo cáo đối với các chương trình, dự án được Chính phủ bảo lãnh.

5. Đối với các số liệu, báo cáo khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này, các cơ quan, đơn vị báo cáo thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính liên quan tới quản lý nợ công.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Các Bộ, ngành, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.

Điều 3. Nội dung mẫu biểu báo cáo

1. Hệ thống mẫu biểu báo cáo bao gồm:

a) Mẫu biểu báo cáo liên quan đến kế hoạch 5 năm và hàng năm gồm 12 mẫu biểu báo cáo chi tiết theo Phụ lục I và Phụ lục II đính kèm.

b) Mẫu biểu báo cáo liên quan đến nợ nước ngoài tự vay tự trả của doanh nghiệp gồm 03 mẫu biểu báo cáo chi tiết theo Phụ lục III đính kèm.

2. Đối với mẫu biểu báo cáo về nợ công hàng năm thực hiện theo Thông tư 74/2018/TT-BTC ngày 16/8/2018 hướng dẫn chế độ kế toán đối với các khoản vay, trả nợ của Chính phủ, chính quyền địa phương; thống kê, theo dõi các khoản nợ cho vay lại và bảo lãnh Chính phủ.

3. Đơn vị báo cáo và đơn vị nhận báo cáo:

a) Đơn vị báo cáo là các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp. Đơn vị báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng mẫu biểu báo cáo;

b) Đơn vị nhận báo cáo là Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại), được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng mẫu biểu báo cáo, dưới dòng đơn vị báo cáo.

Điều 4. Mẫu biểu công bố thông tin

1. Bộ Tài chính thực hiện công bố thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia theo các mẫu biểu tại Phụ lục IV (từ Biểu 4.01 đến 4.06) đính kèm Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện công bố thông tin về vay, trả nợ của chính quyền địa phương theo mẫu biểu tại Nghị định số 93/2018/NĐ-CP quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương.

Điều 5. Thời hạn báo cáo và công bố thông tin về nợ công

1. Báo cáo định kỳ:

a) Báo cáo 6 tháng đầu năm được tính từ ngày 1/1 đến ngày 30/6 của năm báo cáo. Các đơn vị gửi báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) trước ngày 31 tháng 07 hằng năm;

b) Báo cáo năm được tính từ ngày 1/1 đến ngày 31/12 hằng năm. Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) trước ngày 15 tháng 02 của năm sau;

2. Báo cáo phục vụ lập kế hoạch vay trả nợ 5 năm và hàng năm:

a) Báo cáo phục vụ lập kế hoạch vay trả nợ 5 năm được tính từ năm $n+1$ đến $n+5$ (n : là năm báo cáo). Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) cùng thời gian với kỳ lập kế hoạch tài chính ngân sách 5 năm.

b) Báo cáo kế hoạch vay trả nợ hàng năm được tính từ năm $n+1$ đến năm $n+3$ (n : là năm báo cáo). Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo về Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) trước ngày 15/7 hằng năm.

3. Báo cáo đột xuất: Trường hợp cần báo cáo đột xuất để thực hiện yêu cầu về quản lý nhà nước đối về nợ công, cơ quan yêu cầu báo cáo phải đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ kỳ báo cáo, tiêu chí báo cáo, số liệu, thông tin cụ thể, thời hạn gửi báo cáo.

4. Bộ Tài chính tổng hợp các báo cáo về nợ công báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đồng thời gửi các cơ quan có liên quan theo quy định của Luật Quản lý nợ công và các quy định có liên quan.

5. Việc công bố thông tin về nợ công theo mẫu biểu quy định tại Điều 4 Thông tư này được thực hiện mỗi năm 2 kỳ; số liệu có độ trễ 6 tháng so với thời điểm công bố.

Điều 6. Hình thức báo cáo

1. Các báo cáo gửi về Bộ Tài chính được thực hiện dưới hình thức văn bản kèm theo tệp điện tử về địa chỉ taichinhdoingoai@mof.gov.vn.

2. Các nội dung công bố thông tin về nợ công được Bộ Tài chính thực hiện dưới hình thức phát hành Bản tin nợ công và đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

3. Các nội dung công bố thông tin về nợ chính quyền địa phương của từng địa phương thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 93/2018/NĐ-CP quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương.

Điều 7. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2018.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 126/2017/TT-BTC ngày 27/11/2017 của Bộ Tài chính về chế độ báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại) để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

Nơi nhận:

- VP TƯ Đảng và các Ban của Đảng;
- VP QH, VP Chủ tịch Nước, VP Tổng Bí thư;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- Viện kiểm sát NDTC; Toà án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TƯ của các đoàn thể;
- UBND, Sở TC các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Các Cơ quan cho vay lại;
- Cục Thuế các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Ban chỉ đạo TƯ về Phòng, chống tham nhũng;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT; QLN (350b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà

Phụ lục I

MẪU BIỂU LẬP KẾ HOẠCH 5 NĂM

*(Ban hành kèm theo Thông tư số~~84~~.../2018/TT-BTC
ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính)*

Số mẫu biểu	Tên mẫu biểu lập kế hoạch
1.01	Báo cáo tình hình vay, trả nợ trong nước của Chính phủ và dự kiến 5 năm tiếp theo
1.02	Báo cáo tình hình rút vốn vay của các dự án vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và dự kiến 5 năm tiếp theo (do bộ/ngành báo cáo)
1.03	Báo cáo tình hình rút vốn vay của các dự án vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và dự kiến 5 năm tiếp theo (do địa phương báo cáo)
1.04	Báo cáo tình hình vay, trả nợ của các dự án vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ và dự kiến 5 năm tiếp theo
1.05	Báo cáo tình hình vay, trả nợ của các dự án/trái phiếu được chính phủ bảo lãnh và dự kiến 3 năm tiếp theo
1.06	Báo cáo tình hình vay nợ chính quyền địa phương và dự kiến 5 năm tiếp theo